

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lưu Triều**
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. **Bà Nguyễn Thị Viết Sáu**
 2. **Ông Đỗ Văn Hòa**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 284/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2019/QĐST – DS ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Đ – sinh năm: 1969

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Lê Văn K – Sinh năm: 1967

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt làm ngày 20/5/2019.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2019 nguyên đơn là bà Võ Thị Đ và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn K tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống giữa bà Đ và ông K chỉ hạnh phúc được một thời gian, nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn tới thường xuyên cãi nhau, bắt đầu từ sự không hòa hợp trong suy nghĩ, lối sống, tính cách và kinh tế gia đình nên ông K thường xuyên ăn nhậu và có những hành động vũ phu, dùng lời nói xúc phạm tới danh dự, nhân phẩm của bà Đ nên từ đó vợ chồng mặc ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau nữa, mặc dù vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vẫn không hề giảm mà ngày càng phát sinh trầm trọng hơn.

Nay bà Đ nhận thấy tình trạng gia đình mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận bà với ông K là vợ chồng để bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà Đ, ông K có 04 người con tên Lê Thị N - sinh ngày 25/4/1991, Lê Thị T – sinh ngày 25/3/1993, Lê Thị H - sinh ngày 11/11/1999 và Lê Văn N – sinh ngày 07/11/2002.

Sau khi ly hôn, các con Lê Thị N, Lê Thị T, Lê Thị H đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn người con Lê Văn N – sinh ngày 07/11/2002, bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con và chưa có yêu cầu ông K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Võ Thị Đ chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Võ Thị Đ xác định không có nợ chung.

Tại Biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn K và bà Võ Thị Đ tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình sống chung chỉ hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, bắt đầu từ sự không hòa hợp trong suy nghĩ, lối sống, tính cách và kinh tế gia đình nên ông K buồn bực dẫn đến thường xuyên ăn nhậu và có những hành động vũ phu, xúc phạm tới danh dự, nhân phẩm của bà Đ nên từ đó vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà Đ làm đơn yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà Đ vì thực tế vợ chồng cũng không còn chung sống thương yêu nhau nhưng do ông với bà Đ không đăng ký kết hôn nên ông K yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận ông với bà Đ là vợ chồng và ông K đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông theo Biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết và theo Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 20/5/2019 của ông K.

Về con chung: Ông K, bà Đ có 04 người con tên Lê Thị N - sinh ngày 25/4/1991, Lê Thị T – sinh ngày 25/3/1993, Lê Thị H - sinh ngày 11/11/1999 và Lê Văn N – sinh ngày 07/11/2002.

Sau khi ly hôn, các con Lê Thị N, Lê Thị T, Lê Thị H đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, đối với người con Lê Văn N – sinh ngày

07/11/2002, ông đồng ý để bà Đ được trực tiếp nuôi con và ông chưa cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Đ.

Về tài sản chung: Ông Lê Văn K chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lê Văn K xác định không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết:

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định với trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông K chung sống như vợ chồng vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn là trái quy định pháp luật nên không công nhận bà Đ và ông K là vợ chồng.

Về con chung: Có 04 người con chung tên Lê Thị N - sinh ngày 25/4/1991, Lê Thị T – sinh ngày 25/3/1993, Lê Thị H - sinh ngày 11/11/1999 và Lê Văn N – sinh ngày 07/11/2002. Các con Lê Thị N, Lê Thị T, Lê Thị H đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, đối với người con Lê Văn N – sinh ngày 07/11/2002, Sau khi ly hôn bà Đ được trực tiếp nuôi con và ông K chưa cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Đ.

Về tài sản chung: ông K bà Đ không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đương sự chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

1/ Về thủ tục tố tụng:

Bà Võ Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà Đ và ông K là vợ chồng. Ông Lê Văn K là bị đơn trong vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” có nơi cư trú tại khu phố 5, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Ngày 17/5/2019 Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2019/QĐST – DS ngày 17/5/2019 cho bị đơn là

ông Lê Văn K tham gia phiên tòa. Tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết ông K yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và ngày 20/5/2019 ông K có Đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 174; Điều 175; Điều 177; Điều 227; Điều 228 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình vắng mặt bị đơn.

3/ Nội dung tranh chấp:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn K tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa chỉ hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nên từ đó vợ chồng mặc ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau nữa, nên bà Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận bà với ông K là vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà Đ, ông K thống nhất trình bày ông, bà chung sống như vợ chồng vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn việc này đã được Ủy ban nhân dân phường Phú Hải xác nhận vào ngày 3/5/2019 cũng như được Công an Phường P xác nhận vào ngày 05/5/2019. Việc ông K, bà Đ chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là trái quy định pháp luật về Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án tuyên không công nhận mối quan hệ giữa bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn K là vợ chồng.

- **Về con chung:** Quá trình sống chung ông K, bà Đ có 04 người con chung tên Lê Thị N - sinh ngày 25/4/1991, Lê Thị T – sinh ngày 25/3/1993, Lê Thị H - sinh ngày 11/11/1999 và Lê Văn N – sinh ngày 07/11/2002. Các con Lê Thị N, Lê Thị T, Lê Thị H đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, đối với người con Lê Văn N – sinh ngày 07/11/2002, ông K đồng ý để bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay cháu Lê Văn N, đang được bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại bà Đ có nơi cư trú, công việc thu nhập ổn định, tại bản tự khai cháu Nhựt vẫn có nguyện vọng được bà Đ nuôi dưỡng và nếu căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của người con thì việc giao con cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng và ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- **Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng:** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Võ Thị Đ chưa có yêu cầu ông Lê Văn K cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chưa xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Bà Đ, ông K không yêu cầu giải quyết.

- **Về nợ chung:** Bà Đ, ông K xác định không có nợ chung.

- **Về án phí:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đ là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

4/ Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Không công nhận quan hệ giữa bà Đ và ông K là vợ chồng. Về con chung thì có 04 người con trong đó Lê Thị N, Lê Thị T, Lê Thị H đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động, đối với người con Lê Văn N – sinh ngày 07/11/2002, giao cho bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, ông K chưa cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung ông K bà Đ chưa có yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không có. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

5/ Quyền kháng cáo: Theo quy định tại khoản 01 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bà Đ có quyền kháng cáo. Ông K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :

- Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; Điều 147; Điều 174; Điều 175; Điều 177; Điều 227; Điều 228 và Điều 233 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 05; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Võ Thị Đ và ông Lê Văn K là vợ chồng.

2/ Về con chung: Có 04 người con tên Lê Thị N - sinh ngày 25/4/1991, Lê Thị T – sinh ngày 25/3/1993, Lê Thị H - sinh ngày 11/11/1999 và Lê Văn N – sinh ngày 07/11/2002. Các con Lê Thị N, Lê Thị T, Lê Thị H đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

Giao người con tên Lê Văn N – sinh ngày 07/11/2002, cho bà Võ Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Võ Thị Đ chưa có yêu cầu ông Lê Văn K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông K, bà Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí: Theo quy định khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Võ Thị Đ chịu 300.000 đồng án phí

sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0027547 ngày 15/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại khoản 01 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bà Đ có quyền kháng cáo. Ông K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
VKSND tp Phan Thiết
Người tham gia tố tụng
Thi hành án thành phố Phan Thiết
Lưu hồ sơ

TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán-Chủ Tọa Phiên Tòa

NGUYỄN LƯU TRIỀU